TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2019
V/v Tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi hủy kết hôn trái pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Xuân;

2. Bà Phạm Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Ngãi-Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019, về "Tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi hủy kết hôn trái pháp luật ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí K - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở: Đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn T, trú tại: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Chủ tịch UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi).

Chị T, anh D, ông K, ông T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 27/9/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/6/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:*

Chị T và anh D tự nguyện tìm hiểu tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn vào ngày 03/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vả nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị T và anh D có 01 người con chung tên là Phạm Thị Bích L, sinh ngày 05/12/2006. Nếu ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cháu L và anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000^{đ} (*Tám trăm ngàn đồng*) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 25/6/2019 chị T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị T và anh D, vì chị T sinh năm 1994 nên tại thời điểm chị T đăng ký kết hôn với anh D vào năm 2008 chị T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn D trình bày:*

Điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa anh D với chị T đúng như chị T đã trình bày, anh đồng ý ly hôn với chị T và nhất trí yêu cầu của chị T về yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh với chị T.

- Về con chung: Anh D và chị T có một người con chung đúng như chị T đã trình bày. Anh D đồng ý giao cháu Phạm Thị Bích L, sinh ngày 05/12/2006

cho chị T nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đ (*Tám trăm ngàn đồng*) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã B là ông Phạm Văn T trình bày:*

Hiện nay UBND xã B không còn lưu giữ sổ đăng ký khai sinh gốc vào năm 1994. Tại sổ đăng ký kết hôn quyển số 02, năm 2007, trang số 10, số 05 ghi họ và tên chồng Phạm Văn D sinh ngày 08/7/1983, họ và tên vợ Phạm Thị T, sinh năm 1990 đăng ký ngày 03/7/2008 là phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn số 05 quyển số 02 đăng ký ngày 03/7/2008 do UBND xã B cấp. Tại sổ hộ khẩu lưu giữ tại Công an xã B và giấy chứng minh nhân dân của chị T cho thấy chị T sinh ngày 05/4/1994. Căn cứ vào sổ hộ khẩu do Công an xã B quản lý và giấy chứng minh nhân dân do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp thì tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Phạm Thị T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đã nhận sai sót về công tác kiểm tra các giấy tờ cần thiết của cán bộ hộ tịch trong quá trình làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị T với anh D vào năm 2008.

Căn cứ vào Điều 10 mục IV Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao về một số vấn đề về Hình sự, Tố tụng hình sự, Dân sự, Tố tụng dân sự, ngày 31/7/2019 Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi đã ra Thông báo về việc thay đổi quan hệ pháp luật và xác định lại quan hệ pháp luật là Tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi hủy kết hôn trái pháp luật.

** Ý kiến tại phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Tại thời điểm chị T và anh D đăng ký kết hôn vào năm 2008 chị T chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị T và anh D

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh D tại phiên hòa giải ngày 05/7/2019 về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình

giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 16, 17 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016:

- Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn D.

- Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn D về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung Phạm Thị Bích L, sinh ngày 05/12/2006 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh Phạm Văn D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đ (*Tám trăm ngàn đồng*) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Phạm Thị T, anh Phạm Văn D là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí nên đề nghị HĐXX miễn nộp toàn bộ tiền án phí cho chị T, anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bị đơn anh Phạm Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn D tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn vào ngày 03/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Do quan hệ hôn nhân và gia đình của chị T và anh D được xác lập vào năm 2008, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết về quan hệ hôn nhân của chị T và anh D.

Chị T trình bày chị sinh năm 1994 đúng như trong giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu đã cung cấp cho Tòa án, còn giấy khai sinh của chị hiện đã bị thất lạc.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, hiện nay UBND xã B không còn lưu giữ sổ đăng ký khai sinh gốc vào năm 1994. Tại sổ hộ khẩu số 490106268, số tờ 02 lưu giữ tại Công an xã B và giấy chứng minh nhân dân số 212352903 do Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 23/6/2017 cho thấy chị Phạm Thị T sinh năm 1994. Tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp quy định: Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có giấy tờ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ sau đây là cơ sở để xác định nội dung đăng ký lại khai sinh: a) Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; b) Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú…Do vậy các tài liệu thu thập được có đủ cơ sở xác định năm sinh của chị T là năm 1994. Chị T kết hôn với anh D vào ngày 03/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, tại thời điểm kết hôn, chị T chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật nên việc kết hôn của chị T và anh D là trái quy định của pháp luật, vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị T và anh D.

[3] Về con chung: Chị T và anh D có 01 người con chung là Phạm Thị Bích L, sinh ngày 05/12/2006, tại phiên hòa giải ngày 05/7/2019 chị T có nguyện vọng được nuôi cháu L và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đ (*Tám trăm ngàn đồng*) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, anh D cũng đồng ý với yêu cầu của chị T, các bên đương sự đều yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh D về người trực tiếp nuôi

con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh Phạm Văn D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đ (*Tám trăm ngàn đồng*) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn D là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương và có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí; Căn cứ theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên chị T, anh D được xét miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 16, 17 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn D, hai bên phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn D về việc nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con:

- Giao con chung Phạm Thị Bích L, sinh ngày 05/12/2006 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Anh Phạm Văn D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đ (*Tám trăm ngàn đồng*) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 8 năm 2019.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Phạm Văn D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp nuôi con chung.

3. Về án phí*:* Chị Phạm Thị T, anh Phạm Văn D được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/8/2019).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huy